TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V X** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 10 - 2019
V/v tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V X, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phương.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.
2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019 /TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1703/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Đ**.**
Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Xuân T**.**
Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang (anh T vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 19/8/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lường Thị Đ trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Đặng Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Yên H, huyện Q B, tỉnh Hà Giang vào ngày 28/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến năm 2017 vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, nhất là trong thời gian gần đây vợ chồng không tìm được nói chung, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành giải quyết. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng,

không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Đặng Lường Minh P (sinh ngày 10/10/2009), cháu Đặng Phương Ng (sinh ngày 16/01/2015). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu Ng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Ng mỗi tháng 20.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng, công nợ chung, riêng: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn vắng mặt, ghi ngày 19/8/2019 bị đơn anh Đặng Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do vợ chồng anh không cùng quan điểm sống, anh nhất trí ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Đặng Lường Minh P (sinh ngày 10/10/2009), cháu Đặng Phương Ng (sinh ngày 16/01/2015). Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, còn giao cháu P cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, về thời gian cấp dưỡng nuôi cháu P thì anh T và chị Đ đã tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, riêng, công nợ chung, riêng: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/9/2019 chị Đ đã có ý kiến thay đổi về phần nuôi con như sau: Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lường Thị Đ về việc xin ly hôn với anh Đặng Xuân T được Tòa án nhân dân huyện VX thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Đặng Xuân T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Đ và anh Đặng Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên H, huyện Q B tỉnh Hà Giang vào ngày 28/01/2008, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ

và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng 9 năm. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, nhất là trong thời gian gần đây vợ chồng không tìm được nói chung, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *1.* "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". 2. "Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T nhất trí ly hôn với chị Đ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Lường Minh P (sinh ngày 10/10/2009), cháu Đặng Phương Ng (sinh ngày 16/01/2015). Khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu Ng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Ng mỗi tháng 20.000.000đ/tháng nữa.

Nguyện vọng của anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Còn giao cháu P cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con như anh và chị Đ đã thỏa thuận trước.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đ nhất trí giao cháu Đặng Phương Ng cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trên cơ sở nguyện vọng của cả hai bên đương sự, quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đặng Lường Minh P cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Đặng Phương Ng cho anh Đặng Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đ và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. nghĩa vụ và quyền của chị Đ và anh T được thực hiện theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về Tài sản chung: Vợ chồng chị Đ và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng anh, chị cũng không có công nợ chung, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị Đ và anh T không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị Đ được ly hôn anh Đặng Xuân T.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu cháu Đặng Lường Minh P, sinh ngày 10/10/2009 cho chị Lường Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là cháu Đặng Phương Ng, sinh ngày 16/01/2015 cho anh Đặng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Chị Lường Thị Đ và anh Đặng Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX, tỉnh Hà Giang là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02258 ngày 12/6/2019. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Đặng Xuân T có quyền kháng cáo

bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VX;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên H, huyện Q B;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phương